

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9 - 2023

Về việc ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Thức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Công.

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Như Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số C T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Ông L và bà T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn từ năm 1995 tại UBND phường P, thành phố B, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bà T, phường P, đến năm 1998 thì không còn thường xuyên sinh sống với nhau, do ông L đi làm xa ở S và vẫn đi về bình thường, nhưng thời gian này bà T thường xuyên gây gổ cãi nhau dẫn đến không có sinh hoạt vợ chồng. Đến năm 2004 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay không có liên hệ hay tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Ông L xác định, hiện đã có người phụ nữ khác và không còn tình cảm gì với bà T nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông L và bà T có 01 con chung là Nguyễn Lê Hoàng K, sinh năm 1997 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Minh T trình bày:*

Bà T thống nhất với ông L về thời gian chung sống cũng như điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, khắc khẩu không ai nghe lời ai dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên. Ngay từ trước khi kết hôn đã xảy ra tình trạng như vậy bà có khuyên bảo, ông L hứa sẽ thay đổi điều chỉnh bản thân để vợ chồng hòa hợp với nhau nên bà mới kết hôn, nhưng sau khi kết hôn sự việc vẫn không thay đổi. Do tình trạng như vậy kéo dài nên ông L ra ngoài ở từ năm 2004 và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Chỉ khi nào gia đình có công việc thì ông L mới về nhà. Bà T xác định vẫn còn thương yêu ông L và không muốn hôn nhân ảnh hưởng đến đời sống con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như ông L trình bày là đúng. Hiện con đã trưởng thành đi làm nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Ông L và bà T kết hôn hợp pháp vợ chồng đã ly thân nhiều năm không còn quan hệ qua lại với nhau, ông L xác định không còn tình cảm gì với bà T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L; về con chung: Ông L, bà T có 1 con chung là Nguyễn Lê Hoàng K, sinh năm 1997, cháu đã trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B nên hôn nhân giữa ông L, bà T là hợp pháp. Ông L và bà T đều thừa nhận quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên hay gây gổ cãi nhau và đã sống ly thân từ nhiều năm nay không còn quan tâm đến nhau, ông L xác nhận không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

Bà T cho rằng vẫn còn yêu thương ông L nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà T thừa nhận tính tình vợ chồng không hòa hợp ngay từ khi chưa kết hôn, nhưng với mong muốn sau khi kết hôn cả hai sẽ tự điều chỉnh để hòa hợp để chung sống vợ chồng. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thì bà T và ông L vẫn phát sinh mâu thuẫn gây gổ cãi nhau và sau đó vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà T là có thật và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L được ly hôn với bà T.

[2] Về con chung: Ông L và bà T có 1 con chung là Nguyễn Lê Hoàng K, sinh năm 1997, đã trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng L được ly hôn với bà Lê Thị Minh T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh T có 1 con chung là Nguyễn Lê Hoàng K, sinh năm 1997, đã trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

**2. Án phí:** Ông Nguyễn Hoàng L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0010012 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố Bà Rịa. Ông L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- UBND P. Phước Hưng, Tp. Bà Rịa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Trí Thức**